

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 9 - 2020
V/v: Chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Thế

Ông Đặng Văn Chiến

Thư ký phiên tòa: Bà Bằng Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị phố Sông Công:

Bà Ngô Diệu Thanh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2019/ TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 28/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thúy H, sinh năm 1968/ có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Du Tân, phường Th Lợi, thị phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Chu Quang Th (Chu Văn Th), sinh năm 1967/ có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Du Tân, phường Th Lợi, thị phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị H (Tên gọi khác: Lê Thị Ngọc H) - sinh 1969/ có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường P, thị trấn phố S, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ủy ban nhân dân thị phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND thành phố Sông Công.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Dg - Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thị phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên/ vắng mặt lần thứ hai.

Theo văn bản ủy quyền số: 916/UQ- CTUBND ngày 20 tháng 6 năm 2018

3. Ủy ban nhân dân phường Phố Cò, thị phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND phường Phố Cò, thị phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh K - Phó chủ tịch UBND phường Phố Cò, thị phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên theo văn bản ủy quyền số: 160/UQ ngày 20 tháng 7 năm 2018/ vắng mặt lần thứ hai.

4. Trung tâm phát triển quỹ đất tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Minh H- Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất/ vắng mặt lần thứ hai.

5. Ngân Hng TMCP Đầu Tư và phát triển Việt Nam - phòng Giao dịch tHnh phố Sông Công.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Văn H- Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch tHnh phố Sông Công/ vắng mặt lần thứ hai.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn Ch- sinh năm 1954/ vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố Ứng, phường Th Lợi, tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai và trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thúy H trình bày:

Chị và anh Chu Quang Th trước đây là vợ chồng, năm 2009 chị và anh Th đã ly hôn. Tại bản án ly hôn số 01/2009/LHST ngày 15/01/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Chu Văn Th (Chu Quang Th) được ly hôn với chị Lê Thúy H (Lê Thị Thúy H).

2. Về con chung: Giao cháu Chu Quốc Việt sinh 26/3/1991 và cháu Chu Quang Chung, sinh 28/5/1993 cho anh Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

3. Tài sản chung, nợ chung và phần cho vay của vợ chồng: Tách ra không giải quyết trong vụ án này, các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu.

Do điều kiện khó khăn chị phải đi làm ăn xa, năm 2010 chị về nước và làm đơn xin chia tài sản chung sau khi ly hôn của hai vợ chồng. Tài sản chung yêu cầu phân chia gồm có: Đất thuộc thửa 80, TĐĐ 62-I, địa chỉ thửa đất: TDP Du Tân, phường Th Lợi, tHnh phố Sông Công, Thái Nguyên có diện tích là 1.800m². (Hiện trạng đo đạc theo biên bản xem xét thẩm định là 1318,9m² (Trong đó có thửa 72 diện tích 440 m² nằm trong thửa 80); Một nhà cấp 4 ba gian xây dựng năm 1991; 01 nhà bếp xây dựng năm 2013; 01 nhà công trình phụ xây năm 1993; 01 tường gạch xi xây năm 2014; phần bếp đua thêm xây năm 1993; Tường gạch chỉ xây năm 1993; Cây tại thửa 79, TĐĐ 62-I gồm: 8 cây lấy gỗ (đường kính 5-10cm), 2 cây lấy gỗ (đường kính 20-30cm), 01 cây bưởi (đường kính 15-18 cm), 06 bụi tre gai (đường kính ≤ 5cm), 01 cây vải ta (đường kính 13-15 cm); Cây tại thửa 80, TĐĐ 62-I gồm: 18 cây chuối (3-6 tháng), 2 cây chuối non, 20 cây lấy gỗ (đường kính 2-5 cm), 9 cây lấy gỗ (đường kính 5-10 cm), 25 cây lấy gỗ (đường kính 20-30cm); Đất canh tác thửa 42, TĐĐ 62- III diện tích 304m², loại đất 2 lúa; Đất màu thửa số 07, TĐĐ 62-III diện tích 264m²; Tiền đền bù đối với thửa đất ao số 58, TĐĐ 62-I diện tích 704 m² tại thời điểm đền bù 169.235.790đ (ngày 12/9/2019); Tiền đền bù đối với thửa đất 111c, TĐĐ 62-II diện tích 648m² tại thời điểm đền bù 168.876.000đ đến ngày 20/7/2018 phát sinh dư có tổng gốc và lãi là 198.579.883đ; Tiền đền bù đối với thửa 56, 59 TĐĐ 62-III diện tích 331 m² thời điểm đền bù 207.038.090đ, đến ngày 20/7/2018 phát sinh dư có tổng

gốc và lãi là 225.661.802đ. Toàn bộ số tiền đền bù trên được gửi tại ngân Hng BIDV Nam Thái Nguyên, chi nhánh Sông Công và Ngân Hng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sông Công. Tài sản chung chị yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với thửa đất số 107, tờ bản đồ 62-IV diện tích 100 m², địa chỉ tại phường Phố Cò, tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, anh Th có yêu cầu chia, chị xác định đất này không phải tài sản chung của vợ cH, không phải tài sản riêng của chị, GCNQSD đất đứng tên chị là do lúc mua đấu giá quyền sử dụng đất này chị H nhờ chị đứng tên vì chị không có nH, toàn bộ tiền mua đất là của chị H, chị chỉ có 25 triệu đồng nhưng số tiền này sau khi chuyển lại quyền sử dụng đất cho chị H, chị H đã trả chị để nuôi con, nên anh Th đề nghị chia chị không đồng ý .

Chị không đồng ý với yêu cầu của anh Th, quan điểm của UBND tHnh phố Sông Công và UBND phường Phố Cò đối với yêu cầu tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa chị và chị H vô hiệu đối với thửa đất 107, TĐĐ 62-I và phần điều chỉnh cho chị H tại trang 4 của GCNQSD đất.

Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn yêu cầu phản tố và các bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn, người có yêu cầu phản tố là anh Chu Quang Th trình bày:

Anh và chị Lê Thúy H kết hôn năm 1988. Vợ cH đã ly hôn năm 2009. Tại Bản án ly hôn số 01/2009/LHST ngày 15/01/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Chu Văn Th (Chu Quang Th) được ly hôn với chị Lê Thúy H (Lê Thị Thúy H).

2. Về con chung: Giao cháu Chu Quốc Việt, sinh 26/3/1991 và cháu Chu Quang Chung, sinh 28/5/1993 cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Tài sản chung, nợ chung và phần cho vay của vợ cH: Tách ra không giải quyết trong vụ án ly hôn, các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu.

Do điều kiện kinh tế khó khăn vợ cH anh bàn bạc thống nhất để chị H đi làm ăn tại Đài Loan. Năm 2009, vợ cH anh chị đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, năm 2010 chị về nước và làm đơn xin chia tài sản chung sau ly hôn của hai vợ cH. Toàn bộ tài sản chung như chị H đã kê khai, đã được thẩm định và định giá, anh nhất trí toàn bộ tài sản chung chia đôi theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn 01 thửa đất số 107, tờ bản đồ 62-IV, diện tích 100m² tại khu dân cư Việt Đức, GCNQSD đất mang tên chị Lê Thúy H được UBND thị xã Sông Công cấp năm 2007. Anh xác định mảnh đất trên là tài sản chung vợ cH, chị H đã tự ý làm hợp đồng tặng cho QSD mảnh đất ở Việt Đức cho chị Lê Thị H vào tháng 4/2009 khi đó giữa anh và chị H vẫn là vợ cH, việc tặng cho chị Lê Thị H mảnh đất trên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh. Anh Th yêu cầu Tòa án nhập thửa đất 107 vào tài sản chung và chia đôi theo quy định. Tại phiên tòa anh Th nhất trí chia giá trị bằng tiền đối với thửa đất 107. Anh không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Lê

Thúy H, không đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa chị H và chị H vô hiệu, hủy phần điều chỉnh trang tư của phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Sông Công tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên chị Lê Thị H, vì xét thấy không cần thiết.

Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chị Lê Thị H trình bày:*

Năm 2007 chị Lê Thúy H có mua đấu giá thửa đất số 107, tờ bản đồ 62-IV, diện tích 100m² tại khu dân cư Việt Đức, phường Phố Cò và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Lê Thúy H là có thật. Nhưng số tiền mua đất là do chị H vay của chị, giữa hai chị em có viết giấy vay tiền và thế chấp bằng chính mảnh đất đó, theo đó có thỏa thuận nếu sau 12 tháng chị H không trả được tiền thì tài sản đó thuộc về chị H. Sau hơn một năm chị H không trả được tiền cho chị, nên ngày 8/4/2009 chị H đã làm hợp đồng tặng cho QSD đất sang tên chị là Lê Thị H, chị xác định thửa đất 107 là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị không phải tài sản chung của chị H, anh Th. Nay chị H yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng, sở hữu của chị đối với thửa đất số 107, tờ bản đồ 62-IV, diện tích 100m² và ngôi nhà gắn liền với thửa đất thuộc tổ dân phố Việt Đức, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Sông Công, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Dũng trình bày:*

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Chu Quang Th đã bị thu hồi theo quyết định số 2287/QĐ-UBND của thành phố Sông Công ngày 30/12/2013, lý do thu hồi: Việc cấp giấy CNQSD đất do một số thửa có sự nhầm lẫn tờ bản đồ vị trí ranh giới và hiện trạng sử dụng, một số thửa không đúng loại đất cụ thể: Thửa số 07, tờ bản đồ 62-I thực tế là tờ bản đồ 62 –III, Thửa 111c, tờ bản đồ 62-II trên bản đồ địa chính đã chỉnh lý không thể hiện vị trí, số thửa, mục đích sử dụng. Thửa 80, tờ bản đồ 62-I diện tích 1800m² nhưng diện tích thực tế 1318,9 m² trong đó đất ở 400 m², 440 m² đất ao, 96 m² đất ngoài thửa 80 thuộc Hnh lang nương nhưng vẫn thuộc QSD của ông Th và bà H còn lại là đất trồng cây lâu năm.

Đất canh tác đã thu hồi theo dự án gồm 04 thửa cụ thể: 111c, 56, 58, 59. Hiện giấy CNQSD đất chưa được cấp lại. Nhưng nếu bà H, ông Th làm thủ tục đề nghị cấp lại thì toàn bộ phần đất còn lại đủ điều kiện được cấp lại giấy CNQSD đất theo quy định của pháp luật.

Về thủ tục tặng cho QSD đất giữa bà Lê Thúy H và bà Lê Thị H theo hợp đồng tặng cho số 18 ngày 10/3/2009 là đúng trình tự, về nội dung chứng thực thuộc thẩm quyền UBND phường Phố Cò, thành phố Sông Công. Căn cứ vào văn bản của UBND phường Phố Cò xác định việc chứng thực là không đúng, đại diện UBND thành phố Sông Công đề nghị tuyên hợp đồng tặng cho số 18 do UBND phường Phố Cò chứng thực ngày 10/3/2009 liên quan đến thửa đất số 107, tờ bản đồ 62-IV diện tích 100 m² là vô hiệu. Trong trường hợp hợp đồng tặng cho số 18 bị vô hiệu thì phần điều chỉnh trang tư của giấy chứng nhận sẽ bị hủy bỏ.

Đối với tài sản chung là nH của ông Th, bà H là nH và công trình phụ xây dựng năm 1991 (theo ý kiến trình bày của ông Th, bà H) trên thửa đất 79, tờ bản đồ 62-I được UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên) cấp giấy CNQSD đất cho UBND thị xã Sông Công (nay là tHnh phố Sông Công) vào ngày 22/01/1992, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Du Tân, phường Th Lợi, tHnh phố Sông Công hiện đã hết khấu hao sử dụng. Thửa đất này không đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất do đất thuộc quyền sử dụng của UBND tHnh phố Sông Công, thửa đất đã vào dự án khu đô thị H Vũ, đề nghị giữ nguyên hiện trạng tài sản trên đất này cho đến khi nH nước thu hồi đất. Hoặc đến khi UBND có nhu cầu sử dụng thì yêu cầu anh Th tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất trả lại đất cho UBND tHnh phố Sông Công.

Hiện trạng thửa đất 80 - Tờ bản đồ 62-I, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Du Tân, phường Th Lợi, diện tích thực tế sau đo đạc là 1.318,9m² (diện tích theo giấy chứng nhận QSD đất được cấp giấy cho hộ anh Chu Quang Th là 1.800m²) đất thực tế đo đạc thiếu so với giấy CNQSD đất được cấp diện tích là 481,1m². Hiện trạng sử dụng đất của gia đình chỉ có 1.318,9m² (trong đó có 440m² tại thửa 72). Thửa đất này đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất với diện tích 1.318,9m². Việc thiếu 481,1m² là do cấp sai ranh giới và bao gồm 159m² đất hộ gia đình ông Nam đang sử dụng, mương thoát nước và sai số đo đạc.

Liên quan đến diện tích 159 m² đất tại thửa 80 hộ ông Nam đang sử dụng, ý kiến của UBND tHnh phố Sông Công là do cấp không đúng ranh giới, sai số đo đạc, đất này ông Nam sử dụng ổn định nên vẫn thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Nam.

** Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường Phố Cò, tHnh phố Sông Công, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Anh Kiều trình bày :*

Về thủ tục tặng cho QSD đất giữa bà Lê Thúy H và bà Lê Thị H theo hợp đồng tặng cho số 18 ngày 10/3/2009 do UBND phường Phố Cò, tHnh phố Sông Công. Ngày 10/3/2009 UBND phường Phố Cò tHnh phố Sông Công đã nhận được yêu cầu chứng thực hợp đồng tặng cho QSD đất của bà Lê Thúy H cho bà Lê Thị H. Quá trình làm thủ tục UBND phường Phố Cò đã yêu cầu bà H xuất trình các giấy tờ tùy thân cũng như các giấy tờ liên quan đến tình trạng pháp lý của thửa đất (giấy chứng nhận kết hôn, bản án hay quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật liên quan đến thửa đất tặng cho, văn bản của vợ chồng về việc thỏa thuận một người đứng tên trong giấy CNQSD đất có xác nhận của UBND cấp xã như quy định tại điểm a khoản 3 Điều 43 của Nghị định 181 hướng dẫn thi hành luật đất đai năm 2003) nhưng bà Lê Thúy H đã che giấu, cố tình không cung cấp. Do sơ xuất, tin tưởng sự trình bày của bà H và do giấy CNQSD đất chỉ đứng tên bà H nên UBND phường Phố Cò đã chứng thực hợp đồng tặng cho QSD đất giữa bà H và bà H tại hợp đồng chứng thực ngày 10/3/2009 số chứng thực 18 quyền số 01/2009 là sai quy định. UBND phường Phố Cò đề nghị cơ quan có thẩm quyền tuyên hợp đồng tặng cho số 18 do UBND phường Phố Cò chứng thực ngày 10/3/2009 liên quan đến thửa đất số 107, tờ bản đồ 62-IV diện tích 100 m² vô hiệu, tuyên hủy phần điều chỉnh trang tư trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thúy H.

** Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện trung tâm phát triển quỹ đất tHnh phố Sông Công trình bày:*

Trung tâm phát triển quỹ đất tHnh phố Sông Công đã thực hiện giải phóng mặt bằng xong của hộ gia đình ông Chu Quang Th và bà Lê Thúy H 03 thửa đất cụ thể : Thửa 111c, tờ bản đồ 62- II, diện tích thu hồi 648,0 m², giá trị bồi thường và hỗ trợ 168.876.000 đồng; Thửa 56, 59, tờ bản đồ 62- III, diện tích thu hồi 651,1m², giá trị bồi thường và hỗ trợ 207.038.090 đồng. Toàn bộ số tiền trên được anh Th, chị H thống nhất nhờ trung tâm Quỹ đất gửi Ngân Hng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam. Trung tâm phát triển quỹ đất tHnh phố Sông Công đã cử đồng chí Vũ Xuân Tuấn cán bộ của trung tâm gửi tại Ngân Hng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam. Số dư có phát sinh do ngân Hng cung cấp cho Tòa án.

**Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân Hng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam :*

Trung tâm phát triển quỹ đất tHnh phố Sông Công đã cử Vũ Xuân Tuấn là cán bộ của Trung tâm để gửi 02 sổ tiết kiệm có kì hạn số AAA8433797, ngày phát Hnh 21/01/2015, số tiền gửi ban đầu là 168.876.000 đồng. Số dư gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm lần thứ nhất là: 198.579.883đ; sổ tiết kiệm số AAA2867771, ngày phát Hnh 15/9/2016, số tiền gửi ban đầu là 207.038.100 đồng, số dư gốc đến ngày 20/7/2018 là: 225.661.802đ.

Do các đương sự không tự thỏa thuận được về tài sản chung và đề nghị phân chia tài sản chung vụ kiện được đưa ra xét xử tại phiên toà công khai. Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung như chị đã kê khai và yêu cầu, chị không đồng ý chia thửa đất 107, tờ bản đồ 62-IV, diện tích 100m² tại khu dân cư Việt Đức do chị đã chuyển cho chị Lê Thị H vào tháng 4/2009. Anh Th đồng ý chia tài sản chung và giữ nguyên yêu cầu phản tố đề nghị chia thửa đất số 107, tờ bản đồ 62-IV, diện tích 100m² tại khu dân cư Việt Đức mang tên chị Lê Thúy H.

Ngày 24/3/2017 và ngày 15/8/2017 Tòa án đã tiến Hnh xem xét thẩm định, định giá tài sản, ngày 31/7/2018 Tòa án nhận được văn bản xác định lại giá, về giá trị không có sự thay đổi. Các đương sự nhất trí với kết quả định giá này, theo đó tổng giá trị tài sản chung của anh Th, chị H cần phân chia theo kết quả định giá và số tiền bồi thường 04 thửa đất là: **2.082.676.475 đồng.**

Tại phiên toà, đại diện VKS nhân dân tHnh phố Sông Công phát biểu quan điểm đây là vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân tHnh phố Sông Công thụ lý là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Việc chấp Hnh pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng trình tự tố tụng. Không có vi phạm, nên không có đề xuất kiến nghị gì.

** Về quan điểm giải quyết về nội dung vụ án :*

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của chị Lê Thúy H.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Chu Quang Th yêu cầu xác định thửa đất số 107, tờ bản đồ 62-IV phường Phố Cò là tài sản chung của chị H và anh Th.
- Về tài sản chung: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật
- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Lê Thị H.
- Về án phí: Đề nghị buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa nguyên đơn chị Lê Thúy H và bị đơn là anh Chu Quang Th. Bị đơn cư trú tại Tổ dân phố Du Tán, phường Th Lợi, tHnh phố Sông Công và bất động sản có yêu cầu chia thuộc phường Th Lợi, tHnh phố Sông Công. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến Hnh tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự đối với các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung: Về các nội dung yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Lê Thúy H và nội dung yêu cầu độc lập của anh Chu Quang Th:

[2.1] Xét yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của chị Lê Thúy H Hội đồng xét thấy: Toàn bộ tài sản chung gồm: Đất tại thửa 80- Tờ bản đồ 62-I, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Du Tán, phường Th Lợi, tHnh phố Sông Công. Hiện trạng đo đạc theo biên bản xem xét thẩm định là 1318,9m² (nằm trong đó có thửa 72 diện tích 440m²); Trên đất có: Một nH cấp 4 ba gian xây dựng năm 1991; 01 nH bếp xây dựng năm 2013; 01 nH công trình phụ xây năm 1993; 01 tường gạch xi xây năm 2014; phần bếp đua thêm xây năm 1993; Tường gạch chỉ xây năm 1993; Cây tại thửa 79, TBĐ 62-I gồm: 8 cây lấy gỗ (đường kính 5-10cm), 2 cây lấy gỗ (đường kính 20-30cm), 01 cây bưởi (đường kính 15-18 cm), 06 bụi tre gai (đường kính < = 5cm), 01 cây vải ta (đường kính 13-15 cm); Cây tại thửa 80, TBĐ 62-I gồm: 18 cây chuối (3-6 tháng), 2cây chuối non, 20 cây lấy gỗ (đường kính 2-5 cm), 9 cây lấy gỗ (đường kính 5-10 cm), 25 cây lấy gỗ (đường kính 20-30 cm); Đất canh tác thửa 42, TBĐ 62- III diện tích 304m², loại đất 2 lúa; Đất màu thửa 07, TBĐ 62-III diện tích 264m²; Đất canh tác thửa 111C tiền đền bù đối với thửa đất 111c, TBĐ 62-II diện tích 648m² tại thời điểm đền bù 168.876.000đ đến ngày 20/7/2018 tổng gốc và lãi là 198.579.883đ; Tiền đền bù đối với thửa 56,59, TBĐ 62-III diện tích 331m² thời điểm đền bù

207.038.090đ (đến ngày 20/7/2018 phát sinh dư có tổng gốc và lãi là 225.661.802đ). Số tiền đền bù trên được gửi tại ngân Hng BIDV nam Thái Nguyên- chi nhánh Sông Công. Tiền đền bù đối với thửa đất ao số 58, TĐĐ 62-I diện tích 704 m² tại thời điểm đền bù 169.235.790đ (ngày 12/9/2019). Số tiền đền bù thửa 58 được gửi tại Ngân Hng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh Sông Công.

Toàn bộ tài sản trên theo biên bản thẩm định các đương sự thống nhất là tài sản chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Th và chị H, đôi bên không có ý kiến gì và được hai bên thừa nhận nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Đây là sự thật khách quan của vụ án, là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của chị H được anh Th nhất trí, do vậy chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của chị H, toàn bộ tài sản trên sẽ được chia theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét về yêu cầu phản tố của anh Chu Quang Th, anh Th cho rằng diện tích đất 100m² tại thửa 107 tờ bản đồ 62-IV là tài sản chung của anh và chị H, anh đề nghị chia và yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho số 18 vô hiệu, đề nghị hủy phần điều chỉnh tại trang tư của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Lê Thúy H vì năm 1988 chị Lê Thúy H và anh Chu Quang Th kết hôn, năm 2009 chị H và anh Th mới được Tòa án giải quyết ly hôn. Về nguồn gốc hình thành đất là được UBND thị xã (Nay là thành phố) Sông Công cấp theo quyết định giao đất ở số 807/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2007 cho người sử dụng đất là hộ bà Lê Thúy H. Năm 2009 chị Lê Thúy H lại tự ý chuyển cho quyền sử dụng đất tại thửa đất số 107, tờ bản đồ 62-IV diện tích 100m² địa chỉ TDP Việt Đức, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, Thái Nguyên cho chị Lê Thị H mà không được sự đồng ý của anh Th. Anh Th yêu cầu xác định 100m² đất tại thửa 107, là tài sản chung vợ chồng đề nghị phân chia là có căn cứ. Tuy nhiên thửa đất 107 đã được chị H tặng cho quyền sử dụng, sang tên cho em gái là chị Lê Thúy H, chị H đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất và xây nhà tại thửa 107, giữa chị H và chị H không có tranh chấp gì. Do đó HĐXX thấy không cần thiết phải tuyên bố hợp đồng tặng cho QSD đất giữa chị H và chị H vô hiệu, không cần thiết phải hủy phần điều chỉnh tại trang tư của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Lê Thúy H nhưng xác định thửa 107, là tài sản chung của chị H và anh Th, chia giá trị bằng tiền của thửa đất 107 cho hai bên là phù hợp. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Lê Thị H đối với thửa đất số 107, tờ bản đồ 62-IV, diện tích 100m² và ngôi nhà gắn liền với thửa đất thuộc tổ dân phố Việt Đức, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Như vậy xác định tài sản chung của chị H, anh Th ngoài những tài sản như các bên thống nhất còn có thửa đất số 107, tờ bản đồ 62-IV diện tích 100m² địa chỉ TDP Việt Đức, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, Thái Nguyên. Tổng giá trị tài sản chung của anh Th, chị H cần phân chia theo kết quả định giá cùng số tiền bồi thường 04 thửa đất là: **2.082.676.475 đồng.**

Toàn bộ tài sản chung sẽ phân chia theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên khi phân chia sẽ xem xét công sức đóng góp của các bên trong việc hình thành tài sản và giá trị sử dụng của các thửa đất còn lại, không bị thu hồi để chia nhằm

bảo đảm quyền lợi của các bên. Thực tế giá đất theo kết quả định giá so với giá trị sử dụng và giá đất nếu bị thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng có sự chênh lệch tương đối lớn. Như thửa 58 kết quả định giá là 38.016.000 đồng nhưng khi NH nước thu hồi được bồi thường số tiền là 169.235.790 đồng. Do đó người được chia nhiều đất vẫn đảm bảo quyền lợi so với người được trích chia bằng tiền, mặc dù tổng tài sản được chia theo kết quả định giá là không ngang bằng người được trích chia bằng tiền.

Về thửa đất số 07, TĐĐ 62-III phường Th Lợi, diện tích 264m², tại phiên tòa anh Th thừa nhận nguồn gốc là của chị H có từ thời điểm trước khi kết hôn với anh, do đó cần giao thửa đất này cho chị H là phù hợp.

Tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân sau khi chị H đi Đài Loan là thửa đất số 107, tờ bản đồ 62-IV diện tích 100m² địa chỉ TDP Việt Đức, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên có giá trị là 445.000.000 đồng. Mặc dù được xác định là tài sản chung của anh Th và chị H, tuy nhiên nguồn tiền để hình thành tài sản trên là công sức chính của chị H đi lao động tại Đài Loan, bản thân anh Th cũng xác định khi mua đất anh không có tiền, mà tiền đó là của chị H do vậy xác định công sức đóng góp của chị H là nhiều hơn. Giao cho anh Th sở hữu 1/3 giá trị và chị H sở hữu 2/3 giá trị thửa 107 là phù hợp với sự đóng góp của các bên, phù hợp với luật định. Theo đó chị H được hưởng 2/3 là: 445.000.000đ: 3 X 2 = 296.667.000 đồng; anh Th được hưởng 1/3 là: 445.000.000đ: 3 X 1 = 148.333.000 đồng. Cần giao cho chị H sở hữu toàn bộ giá trị thửa 107 và bù trừ cho anh Th vào các tài sản khác trong khối tài sản chung.

Về phần tài sản là đất ở và đất canh tác đã được UBND thị xã Sông Công cấp Giấy chứng nhận QSD đất mang tên anh Chu Quang Th năm 1991. Tuy nhiên do việc cấp một số thửa có sự sai sót về vị trí và diện tích, tờ bản đồ nên đã bị UBND thị xã Sông Công thu hồi để làm thủ tục cấp lại, đến nay anh Th, chị H chưa đi làm thủ tục cấp lại theo quy định. Toàn bộ đất trên đã được thẩm định và định giá và các bên đương sự không có tranh chấp và đều xác định là tài sản chung của đôi bên. Đại diện UBND cũng xác định về nguồn gốc đất trên là của anh Th và chị H đã được cấp GCNQSDĐ năm 1991, tuy nhiên một số thửa có sự sai sót về vị trí và nhầm lẫn về số thửa, tờ bản đồ nên UBND đã thu hồi GCNQSD đất để cấp lại, đất trên không có tranh chấp nên đủ điều kiện cấp lại cho anh Th, chị H theo hiện trạng, nên cần giao cho các đương sự, các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan NH nước để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của mình và được cấp giấy chứng nhận theo quy định.

Phần diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Th, chị H hiện tại có 04 thửa đã làm thủ tục kê khai đền bù là thửa 56, 58, 59 và thửa 111c, hiện số tiền đền bù hỗ trợ giải phóng mặt bằng do Trung tâm phát triển quỹ đất gửi tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Sông Công, Thái Nguyên và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh Sông Công. Số tiền trên sẽ được phân chia cho hai bên, các thửa đất còn lại sẽ xem xét phân chia theo quy định của pháp luật và trên cơ sở bảo đảm lợi ích chính đáng của các bên.

Đối với các diện tích đất anh Th và chị H được giao quyền quản lý, sử dụng. Anh Th, chị H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nH nước có thẩm quyền để được đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền tiết kiệm của anh Th, chị H do Trung tâm phát triển quỹ đất tHnh phố Sông Công gửi tại ngân Hng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên - Phòng giao dịch Sông Công và Ngân Hng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sông Công. Trung tâm phát triển quỹ đất tHnh phố Sông Công có trách nhiệm làm thủ tục tất toán toàn bộ số tiền gửi để chi trả cho các đương sự sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Về chi phí thẩm định và định giá ở giai đoạn xét xử sơ thẩm lần 1, các đương sự đã nộp và chi phí xong, do vậy hội đồng xét xử không xem xét. Về chi phí thẩm định và định giá ở giai đoạn xét xử sơ thẩm lần này hết 3.000.000 đồng, chị H và anh Th mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền này. Anh Th đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng để chi phí, chị H có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Th 1.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[4] Về án phí: Chị Lê Thúy H, anh Chu Quang Th phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Sông Công là phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, khoản 1 Điều 104, Điều 147, 157, 165, 166, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn của chị Lê Thúy H.

[1] Giao cho chị Lê Thúy H được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản gồm :

- Giao cho Chị Lê Thúy H được quyền sở hữu, sử dụng 200m² đất ở tại thửa đất 80- Tờ bản đồ 62-I phường Th Lợi, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Du Tán, phường Th Lợi, tHnh phố Sông Công, có giá trị: **440.000.000** đồng. Anh Th phải thu hoạch toàn bộ cây trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của chị H trả lại phần đất đã phân chia cho chị H.

Ranh giới tứ cận theo sơ đồ hiện trạng có các cạnh ABCD với AB=CD: 16m; AD=BC: 12,5m. Cạnh phía Bắc giáp thửa 79 dài 16 m; Cạnh phía Nam giáp đất chia cho anh Th dài 16 m; Cạnh phía Tây giáp thửa 79 (Dự kiến làm

đường) rộng 12,5 m; Cạnh phía Đông giáp đất trồng cây lâu năm giao cho anh Th, rộng 12,5m (Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

- Giao cho chị Lê Thúy H được quyền sở hữu số tiền **445.000.000** đồng giá trị của thửa đất số 107, tờ bản đồ 62-IV phường Phố Cò, diện tích 100m², địa chỉ TDP Việt Đức, phường Phố Cò, tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã chuyển quyền sử dụng cho chị Lê Thị H.

- Giao cho chị Lê Thúy H được quyền sở hữu, sử dụng 152m² đất canh tác thửa 42a, TĐĐ 62- III, loại đất 2 lúa, địa chỉ: Tổ dân phố Du Tân, phường Th Lợi, tHnh phố Sông Công có các cạnh 1,2,8,9,10 (Có sơ đồ chi tiết kèm theo) có giá trị có giá trị 152 m² x 74.000 đồng = **11.248.000** đồng.

- Giao cho chị Lê Thúy H được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 07, TĐĐ 62-III. Địa chỉ: Tổ dân phố Du Tân, phường Th Lợi, tHnh phố Sông Công có giá trị 264m² x 68.000 đồng = **17.952.000** đồng.

- Giao cho chị Lê Thúy H được quyền sở hữu, sử dụng số tiền **84.617.895** đồng tiền đền bù giải phóng mặt bằng thửa đất số 58, TĐĐ 62-I, hiện đang gửi tại Ngân Hng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sông Công.

- Giao cho chị Lê Thúy H được quyền sở hữu, sử dụng số tiền **125.662.843** đồng tiền đền bù giải phóng mặt bằng khu đô thị H Vũ, hiện đang gửi tại Ngân Hng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên - Phòng giao dịch Sông Công.

Tổng giá trị tài sản chị H được chia là: **1.124.480.738** đồng

[2] Giao cho anh Chu Quang Th được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản gồm:

- Giao cho anh Chu Quang Th được quyền sở hữu, sử dụng 200m² đất ở tại thửa đất 80 - Tờ bản đồ 62-I, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Du Tân, phường Th Lợi, tHnh phố Sông Công. Có giá trị: **440.000.000** đồng.

Ranh giới tứ cận theo sơ đồ hiện trạng có các cạnh CDEF với CD=EF: 16m; DF=CE: 12,5m .

Cạnh phía Bắc giáp đất chị H, dài 16m; cạnh phía Nam giáp thửa đất chia cho anh Th, dài 16 m; cạnh phía Tây giáp thửa 79 (Dự kiến làm đường), rộng 12,5m; cạnh phía Đông giáp đất trồng cây lâu năm giao cho anh Th, rộng 12,5m (Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

- Giao cho anh Chu Quang Th được quyền sở hữu, sử dụng 440m² đất ao tại thửa đất 80 (72)- Tờ bản đồ 62-I, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Du Tân, phường Th Lợi, tHnh phố Sông Công, có giá trị **23.760.000** đồng. (Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

- Giao cho anh Chu Quang Th được quyền sở hữu, sử dụng 478m² đất CLN+LC tại thửa đất 80 - Tờ bản đồ 62-I phường Th Lợi, có các cạnh tứ cận BGIKLMNFE địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Du Tân, phường Th Lợi, tHnh phố Sông Công. Có giá trị **30.592.000** đồng. (Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

- Giao cho anh Chu Quang Th được quyền sở hữu, sử dụng 152m² đất canh tác thửa 42b, TĐĐ 62- III, loại đất 2 lúa, tại tổ dân phố Du Tân, phường Th Lợi, tHnh phố Sông Công có các cạnh 2,3,4,5,6,7,8 (Có sơ đồ chi tiết kèm theo) có giá trị 152 m² x 74.000 đồng = **11.248.000** đồng.

- Giao cho anh Chu Quang Th được quyền sở hữu, sử dụng 01 nH cấp 4 ba gian xây dựng năm 1991; 01 nH bếp xây dựng năm 2013; 01 nH công trình phụ xây năm 1993; 01 tường gạch xi xây năm 2014; phần bếp đưa thêm xây năm 1993; Tường gạch chỉ xây năm 1993, đã hết khấu hao sử dụng có giá trị thực tế là: **66.378.000 đồng**.

Toàn bộ nH và công trình phụ, cây cối xác định được xây dựng và trồng trên thửa đất số 79, TBD 62-I tại tổ dân phố Du Tán, phường Th Lợi, tHnh phố Sông Công. Giấy chứng nhận QSDĐ được cấp cho UBND Thị xã Sông Công (Nay là THnh phố Sông Công). Ý kiến của Ủy ban xác định sẽ yêu cầu lấy lại phần đất trên khi có nhu cầu sử dụng. Do vậy, anh Th có trách nhiệm tự tháo dỡ toàn bộ tài sản khi UBND tHnh phố Sông Công có yêu cầu. Trong trường hợp anh Th không tự tháo dỡ khi UBND có yêu cầu, thì UBND tHnh phố Sông Công có quyền yêu cầu cơ quan thi Hnh án dân sự tHnh phố Sông Công cưỡng chế theo quy định.

- Anh Chu Quang Th được quyền sở hữu, sử dụng cây tại thửa 79+80 TBD 62-I tại tổ dân phố Du Tán, phường Th Lợi, tHnh phố Sông Công gồm: 8 cây lấy gỗ (đường kính 5-10cm), 2 cây lấy gỗ (đường kính 20-30cm), 01 cây bưởi (đường kính 15-18 cm), 06 bụi tre gai (đường kính \leq 5cm), 01 cây vải ta (đường kính 13-15 cm); 18 cây chuối (3-6 tháng), 2 cây chuối non, 20 cây lấy gỗ (đường kính 2-5 cm), 9 cây lấy gỗ (đường kính 5-10cm), 25 cây lấy gỗ (đường kính 20-30cm), có tổng giá trị: **3.021.000 đồng**.

- Giao cho anh Chu Quang Th được quyền sở hữu, sử dụng số tiền **298.578.842** đồng tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đang được gửi tại Ngân Hng đầu tư và phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Sông Công, Thái Nguyên.

- Giao cho anh Chu Quang Th được quyền sở hữu, sử dụng số tiền **84.617.895** đồng tiền đền bù giải phóng mặt bằng thửa đất số 58, TBD 62-I, hiện đang gửi tại Ngân Hng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sông Công.

Tổng giá trị tài sản anh Th được chia là: **958.195.737 đồng**.

Đối với các diện tích đất đã phân chia cho anh Th và chị H chưa được cấp quyền sử dụng đất. Anh Th, chị H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan NH nước có thẩm quyền để được làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền tiết kiệm của anh Th, chị H do Trung tâm phát triển quỹ đất tHnh phố Sông Công gửi tại Ngân Hng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên - Phòng giao dịch Sông Công và Ngân Hng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sông Công. Trung tâm phát triển quỹ đất tHnh phố Sông Công có trách nhiệm rút về chi trả cho các đương sự theo quyết định của bản án. Phần lãi suất từ hai sổ tiết kiệm gửi tại Ngân Hng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên - Phòng giao dịch Sông Công phát sinh từ sau ngày 20/7/2018 anh Th, chị H mỗi người được hưởng 1/2

trên tổng dư lãi phát sinh. Phần lãi suất từ sổ tiết kiệm gửi tại Ngân Hng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sông Công phát sinh từ ngày gửi (12/9/2019), anh Th, chị H mỗi người được hưởng 1/2 trên tổng dư lãi phát sinh.

[3] Chị Lê Thị H được quyền sử dụng, sở hữu đối với thửa đất số 107, tờ bản đồ 62-IV phường Phố Cò, diện tích 100m² và ngôi nH gắn liền với thửa đất. Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Việt Đức, phường Phố Cò, tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Đã được chị H sang tên quyền sử dụng đất).

[4] Về chi phí tố tụng: Về chi phí thẩm định và định giá ở giai đoạn xét xử sơ thẩm lần 1, các đương sự đã nộp và chi phí xong, do vậy hội đồng xét xử không xem xét. Về chi phí thẩm định và định giá ở giai đoạn xét xử sơ thẩm lần này chị Lê Thúy H và anh Chu Quang Th mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Anh Th đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng và đã chi phí xong, chị H phải hoàn trả cho anh Th **1.500.000 đồng** tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[5] Về án phí:

- Chị Lê Thúy H phải chịu **45.734.422 đồng** án phí chia tài sản có giá ngạch nộp ngân sách NH nước. Được khấu trừ vào số tiền 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Công theo biên lai số 004394 ngày 05/7/2010, chị H còn phải nộp tiếp số tiền còn lại là **45.534.422 đồng** nộp ngân sách NH nước.

- Anh Chu Quang Th phải chịu **40.745.872 đồng** án phí chia tài sản có giá ngạch nộp ngân sách NH nước. Được khấu trừ vào số tiền 15.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự tHnh phố Sông Công theo biên lai số 0010590 ngày 25/11/2016, anh Th còn phải nộp tiếp số tiền còn lại là: **25.745.872 đồng** nộp ngân sách NH nước.

- Hoàn trả lại cho chị Lê Thị H **300.000 đồng** tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi Hnh án dân sự tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên ngày 28/7/2020, tại biên lai thu số 0007987.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự (nguyên đơn, bị đơn) biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án đối với trường hợp có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với trường hợp vắng mặt./.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTP. Sông Công;
- THADS TP. Sông Công;
- Các đương sự;
- TTPT quỹ đất TP. Sông Công;
- UBND phường Th Lợi;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nường